TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 8 - 2022
V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;
2. Ông Y Mưng Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa*:* Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về *Yêu cầu ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Th Knul, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đăng Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ nơi cú trú cuối cùng: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Anh T đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 04/2021/QĐST-VDS ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị H Th Knul trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị H Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn cùng chung sống tại nhà cha mẹ chị H Th tại Buôn E, xã C. Từ khoảng

tháng 7/2003 do vợ chồng bất đồng ý kiến nên vợ chồng tranh cãi, anh T đã đánh đập chị Thủy và yêu cầu ly hôn nhưng chị H Th không đồng ý. Đến khoảng tháng 9/2003, do bị anh T đánh nên chị H Th đã báo sự việc đến Công an xã, buôn trưởng, dù được động viên nhưng anh T vẫn không thay đổi và bỏ đi từ đó đến nay không có tin tức. Chị H Th đã hỏi thăm, tìm kiếm nhưng không biết anh T đã đi đâu, làm gì và ở đâu nên chị H Th đã làm đơn yêu cầu tuyên bố anh T mất tích, anh T đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 04/2021/QĐST-VDS ngày11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K.

Nay để đảm bảo cuộc sống riêng của mình và thuận tiện thực hiện một số thủ tục hành chính nên chị H Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống không có con chung nên chị H Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đăng Văn T đã bị tuyên bố mất tích nên không ghi nhận được ý kiến, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh T bỏ đi biệt tích, đã bị tuyên bố mất tích nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cho chị H Th được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H Th và anh T không có con chung, không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản, nợ chung: Chị H Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị H Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật là yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng là Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày vào ngày 07/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian, từ khoảng tháng 7/2003 do bất đồng quan điểm nên chị H Th và anh T phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 9/2003 anh T đã bỏ đi biệt tích nên thực tế vợ chồng đã không còn chung sống nên mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST-VDS ngày11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên bố anh T mất tích và Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nay chị H Th yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H Th và anh T không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Các Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Th Knul.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H Th Knul được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Chị H Th Knul và anh Đặng Văn T không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Th Knul không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H Th Knul phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 60AA/2021/0007746 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời giạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sáo bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án - Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân